

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Hồng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quách Đình Hoàng.

2. Bà Doãn Thị Lệ.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Ngọc Yến** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Ông **Trịnh Nguyễn Thanh An** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân TP.Pleiku, Gia Lai.

Ngày 08/6/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2021/HSST ngày 07/4/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST – HS ngày 19 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

VÕ THỊ CẨM T; sinh năm 1985 tại Hà T.

Nơi ĐKNKTT: tổ 5, phường T, TP.P, G.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Cha: Võ Xuân N (đã chết); Mẹ: bà Dương Thị T, sinh năm: 1958 hiện trú tại: tổ 5, phường T, TP.P, G.

Bị cáo có 03 người em ruột, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1988, bị cáo là con lớn trong gia đình, có chồng Nguyễn Quốc H (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2008.

Nhân thân: Ngày 24/8/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh G xử phạt tại bản án số 43/2020/HSST ngày 24/8/2020 với mức án: 13 năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 174 BLHS năm 2015.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: thôn 2, xã P, huyện I, tỉnh G, có mặt.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Ông Hoàng Trung D, sinh năm: 1971.

Trú tại: 685 đường Âu C, phường T, Quận T, TP.H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị Cẩm T làm nghề buôn bán, kinh doanh tạp hóa nhỏ lẻ, không có khả năng xin cho người khác vào làm việc trong ngành Hàng không Việt Nam. Tuy nhiên, khi tiếp xúc với người có nhu cầu xin việc, T lại đưa ra thông tin không có thật về chế độ tuyển sinh, tuyển dụng của ngành Hàng không Việt Nam, làm người khác tin tưởng là thật và giao tiền cho T để xin đi học, xin việc làm, qua đó T chiếm đoạt số tiền này. Cụ thể như sau:

Võ Thị Cẩm T có quan hệ quen biết với bà Trần Thị M (sinh năm 1974, trú tại Thôn 3, xã P, huyện I, tỉnh G); bà M là em chồng của bà Phạm Thị N (sinh năm 1973, trú tại Thôn 2, xã P, huyện I, tỉnh G). Năm 2015, bà N có nhu cầu xin việc cho con gái là Trần Thị T (sinh năm 1997), nên bà M giới thiệu đến gặp T để liên hệ xin việc cho chị T. Đầu tháng 11/2015, bà N đến TP.P gặp T, thì được T giới thiệu là Cảng hàng không P đang có chỉ tiêu cử tuyển đi học lớp Trung cấp dịch vụ thương mại hàng không, học viên sẽ được nhà trường chi trả toàn bộ học phí, chi phí ăn ở, sinh hoạt trong quá trình học tập và sau khi học xong sẽ được bố trí làm việc tại Cảng hàng không P; T tự đưa ra giá cho 01 suất đi học và làm việc là 150.000.000 đồng. Nghe thông tin, giá tiền đi học và được nhận vào làm việc tại Cảng hàng không P mà T đưa ra, thì bà N tin tưởng và đồng ý. Ngày 11/11/2015, bà N đi cùng bà M đến nhà Thủy tại số 290 đường Phạm Văn Đ, Tổ 5, phường T, TP.P. Tại đây, bà N giao cho T số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) để T chi phí xin đi học và xin việc cho chị T; T viết, ký giấy nhận tiền của bà N dưới hình thức “*Giấy vay tiền*”, hẹn đến ngày 30/12/2017 sẽ hoàn trả cho bà N số tiền trên. Sau khi nhận tiền của bà N, T đăng ký, làm thủ tục cho chị T nhập học lớp Dịch vụ thương mại hàng không hệ Trung cấp nghề, khóa 2016-2018, tại Học viện Hàng không Việt Nam ở TP.H. Khi chị T nhập học, T đã đóng tiền học phí 4.320.000 đồng, mua đồng phục 1.000.000 đồng và tiền chi phí sinh hoạt trong 12 tháng là 36.000.000 đồng cho chị T; tổng cộng số tiền T đã chi phí cho chị T đi học là 41.320.000 đồng. Số tiền còn lại là 108.680.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng), T chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân, không tiếp tục chi phí cho việc học cũng như xin việc cho chị T. Sau khi chị T hoàn thành khóa học, nhưng không được nhận vào làm việc tại Cảng hàng không P như T đã cam kết, bà N nhiều lần yêu cầu T phải trả lại số tiền đã nhận, nhưng T không trả. Ngày

11/8/2020, bà N làm đơn tố giác hành vi của T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P, đồng thời giao nộp 01 giấy vay tiền viết tay đề ngày 11/11/2015, đứng tên người vay là Võ Thị Cẩm T. Qua giám định giấy vay tiền viết tay đề ngày 11/11/2015, đứng tên người vay là Võ Thị Cẩm T do bà Phạm Thị N giao nộp, xác định là do Võ Thị Cẩm T viết và ký ra. Quá trình điều tra vụ án, T đã khai nhận toàn bộ hành vi đưa ra thông tin không có thật về việc có khả năng xin việc tại Cảng hàng không P, để chiếm đoạt tiền của bà N như nêu trên.

Về dân sự: Quá trình điều tra vụ án, bà Phạm Thị N yêu cầu Võ Thị Cẩm T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 108.680.000 đồng; hiện T chưa bồi thường theo yêu cầu của bà N.

Tại bản Cáo trạng số 56/CT - VKS ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát Nhân dân thành phố P, tỉnh G đã truy tố bị cáo Võ Thị Cẩm T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố:

Bị cáo Võ Thị Cẩm T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; Điều 38; Điều 50; Điều 56; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù: 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án số 43/2020/HSST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã có hiệu lực pháp luật, buộc bị cáo phải chấp hành 2 bản án nói trên.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Phạm Thị N số tiền: 108.000.000đ (một trăm lẻ tám triệu đồng)

Bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng

- Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo có lời khai hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ, và các lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định về chữ viết và chữ ký đã

thu thập được có tại hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng nhu cầu xin việc làm của gia đình bị hại bà Phạm Thị N bị cáo Võ Thị Cẩm T đã đưa ra những thông tin không đúng cho rằng bản thân có nhiều mối quan hệ và có khả năng xin cho con gái bị hại đi học theo chương trình cử tuyển trung cấp thương mại hàng không, học viên sẽ được nhà trường chi trả toàn bộ học phí, chi phí ăn ở, sinh hoạt trong quá trình học tập và sau khi học xong sẽ được bố trí làm việc tại cảng hàng không P, bị cáo tự đưa ra giá cho một suất học là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), do bà N tin tưởng nên đã đồng ý giao cho bị cáo T số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), sau khi nhận tiền bị cáo đã viết giấy cho bà N dưới hình thức giấy vay tiền và hẹn đến ngày 30/12/2017 sẽ hoàn trả cho bà N số tiền nói trên. Sau khi nhận tiền bị cáo đã đăng ký và làm thủ tục nhập học cho con gái bà N là chị T nhập học Lớp Dịch vụ thương mại hàng không hệ trung cấp nghề khóa 2016 – 2018, tổng cộng bị cáo đã chi phí cho chị T hết 41.320.000đ (bốn mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), sau khi chị T hoàn thành khóa học nhưng không được nhận vào Cảng hàng không P nên bà N đã yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã nhận nhưng bị cáo không trả nên bà N đã tố cáo bị cáo T đến Cơ quan CSĐT công an TP. P. Bị cáo cũng đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo về việc đưa ra thông tin gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của người bị hại. Tổng số tiền mà bị cáo T đã chiếm đoạt của bị hại là 108.680.000đ (một trăm lẻ tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Võ Thị Cẩm T đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Việc truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến khách thể được pháp luật bảo vệ, nhưng bị cáo vẫn bất chấp để thực hiện hành vi phạm tội của mình, nhằm mục đích tư lợi cho nhu cầu bản thân. Hành vi của bị cáo gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây dư luận xấu trong xã hội nên cần thiết phải lên cho bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội

[5] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội: “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đây là những tình tiết giảm nhẹ của bị cáo nên HĐXX sẽ xem xét cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Bị cáo Võ Thị Cẩm T còn bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 13 năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo bản án số: 43/2020/HS – ST ngày 24 tháng 8 năm 2020, hiện bản án này đã có hiệu lực pháp luật nên HĐXX sẽ tổng hợp bản án này theo quy định tại điều 56 BLHS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bà Trần Thị M, là người giới thiệu để bà Phạm Thị N đến gặp, sau đó giao tiền cho bị cáo Võ Thị Cẩm T để nhờ T xin việc cho con gái, qua điều tra xác định: Giữa bà M và bị cáo T không có sự bàn bạc, thống nhất gì về việc đưa ra thông

tin không có thật là có thể xin việc vào Cảng hàng không P để lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà N; việc T lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà N, thì bà M không biết và cũng không được hưởng lợi gì từ việc này. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với bà M trong vụ án này, là có căn cứ.

[7]Về dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại Phạm Thị N yêu cầu bị cáo Võ Thị Cẩm T phải bồi thường số tiền 108.000.000đ (một trăm lẻ tám triệu đồng), xét thấy yêu cầu của bà N là có căn cứ, phù hợp nên cần chấp nhận

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Thị Cẩm T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Võ Thị Cẩm T: 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp bản án số: 43/2020/HS – ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh G buộc bị cáo Võ Thị Cẩm T phải chấp hành một hình phạt chung cho cả hai bản án là: 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2018.

3. Về Dân sự:

Căn cứ Điều 589 BLDS 2015, Điều 48 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Phạm Thị N số tiền: 108.000.000đ (một trăm lẻ tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Võ Thị Cẩm T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (08/6/2021) bị cáo, người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND Tp.P;
- Công an Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Sở Tư pháp tỉnh G;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Hồng